

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta hiểu hết sức thâm diệu, vô cùng sâu xa sáng tỏ, nếu có vị đệ tử hiền giả nghe được pháp đó liền tán thán Phật.

Có ngoại đạo trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong quá khứ, tất cả đều ở trong mười tám kiến giải. Vị ngoại đạo ấy vì sao ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong đó? Nếu có ngoại đạo đều “nói thường, thấy thường”, tự thân vì người thế gian thuyết “hữu thường” thì đều ở trong bốn kiến giải. Vì sao vị ngoại đạo ấy gọi là “nói thường, thấy thường”, vì người thế gian nói “thường”? Khi kiếp hoại, chúng sanh nơi hạ giới được sanh lên trời A-vệ-hóa-la thứ mười hai. Lúc kiếp hoại, vị thiên đó phước đức cạn mỏng, mạng chung liền sanh xuống hạ giới. Có vị Phạm thiên sanh trong cõi hư không, bèn đối với vị đó tự xưng là bậc Đại tôn phạm, tự cho “Ta làm ra tất cả mọi sự, ta là thượng tôn, là cha của tất cả, giải nghĩa cho ngàn người, ta là bậc Tôn thượng”. Vị Phạm thiên ấy tự nghĩ: “Làm thế nào để có chúng sanh được sanh đến đây?”. Vị ấy vừa nghĩ như vậy, những người ở hạ giới khác liền được sanh lên trên cõi trời ấy. Bấy giờ vị Phạm thiên kia nhân điều mới thấy đó, nên nói: “Ta hóa sanh ra các người này”. Các người đó cũng tự sanh kiến giải cho rằng: “Vị Phạm thiên đã hóa sanh ra chúng ta. Vì sao vậy? Vì Phạm thiên sanh trước, chúng ta sanh sau, cho nên hóa sanh ra chúng ta là vị Phạm thiên sanh trước ấy”. Ngài hết sức đoan chánh đẹp đẽ và thanh khiết, oai thần vồ vọi”. Các vị trời thì tùy theo phước đức cạn mỏng mà mạng hết dần dần sanh xuống nhân gian. Các vị ấy tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, hành nhất tâm liền được loại định tương tự như tam-muội, nên nhớ lại chỗ sanh khi xưa. Vị ấy nói: “Vị Phạm thiên sanh ra ở trên trời trước tiên đó thì được thường tại, không di chuyển, cũng không chết. Vị Phạm thiên tối tôn tối thượng luôn tồn tại ấy hóa sanh ra chúng ta. Chúng ta là những người phi thường (vô thường), bị chuyển đời và bị chết”. Đó là chủ thuyết thường và vô thường, gọi là kiến chấp thứ nhất.

Hai là nếu có ngoại đạo đối với Phạm thiên nêu bày kiến giải như thế này: “Nếu có các pháp sắc, thống dương (thọ), tướng, hành, thức, thì các pháp ấy là thường, cũng không chuyển đời, không chết. Còn các đại chủng như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng, những thứ này là vô thường, không bền chắc”. Vị Phạm

thiên ấy, lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung lại sanh xuống nhân gian. Vị đó tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được loại định ý tướng tự tam-muội, nhớ lại Phạm thiên lúc trước, bèn nói: “Các pháp như sắc, thọ (thống dương), tư tưởng (tưởng), hành, thức kia là pháp thường còn bền chắc. Còn các đại chủng như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng ở nhân gian này là pháp vô thường, không bền chắc, có diệt vong”, thì đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba nếu có ngoại đạo, chủ trương rằng có vị trời tên là Kỳ-đà-ba-đồ, ở trên cõi trời cùng nhau vui chơi, vì vui chơi nên sau đó thường không nhớ lại lúc thân thể bị bệnh nằm liệt giường. Vị đó thân tướng, pháp lộc, phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian. Vị đó thực hành hạnh tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm nên được loại định ý tướng tự như tam-muội, nhớ lại chỗ sanh đời trước, liền nói: “Sự vui sướng an lạc của vị trời kia luôn tồn tại, chẳng đời đổi, chẳng diệt vong. Còn sự vui sướng của nhân gian là vô thường không bền chắc, bị tử vong. Vị thiên kia là hữu thường, còn người nhân gian này là vô thường”, thì đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, nếu có ngoại đạo chủ trương rằng có vị trời tên là Tán-đê, vị đó ở trên trời cùng với vị trời tên là Đốn Bình, hai bên nhìn nhau sanh ra sân hận nên phải xa lìa tòa ngai của mình. Vị thiên nhân ấy lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian, tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được loại định ý tướng tự như tam-muội, nhớ lại thuở xưa đã sanh ở thiên thượng, vị đó nói: “Chư Thiên kia cùng nhau vui chơi thỏa thích là thường trụ, bền chắc không có tử vong. Còn ta ở nhân gian thì chẳng thường, không bền chắc, bị tử vong. Chư Thiên kia là thường còn, ta ở nhân gian là vô thường”, thì đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo, tất cả gì họ nói “hữu thường”, tất cả những gì họ vì người thế gian nói “hữu thường” đều ở trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Thế Tôn đều biết rõ, còn hiểu biết vượt hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Thế Tôn không chấp trước cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Thế Tôn biết thọ do xúc sanh, biết phương tiện để thoát khỏi kiến giải, nhờ không có thọ nên tâm ý khéo được giải thoát. Pháp mà Thế Tôn biết thì thâm diệu, sáng tỏ; Thế Tôn đều biết rõ tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy đều tán thán Đức Thế Tôn.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ lại việc trong thời quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều thích nói, hiểu rõ những việc đó, thì đều ở trong mười tám thứ kiến giải, vốn là đối tượng nhận thức của đạo nhân. Những gì mà ngoại đạo nói: “Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ nơi khác sanh đến”, nghĩ: “Không có từ đâu sanh đến”, thấy rằng: “Vốn không có thế gian, nay có thế gian”, đều ở trong hai loại kiến giải.

Những điều mà ngoại đạo đã biết và nói rằng: “Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ phương khác sanh đến”, nhớ là: “Không có thế gian, nay lại có thế gian” là do chủ trương rằng có một vị trời tên là Vô Tướng, sanh vào cõi Vô tướng, không có cảm thọ. Vị trời ấy do nghĩ đến tư tưởng nên lộc, phước đức liền cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian. Người đó tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm định ý, tâm ý liền được loại định như vào tam-muội nhưng không thể nhớ lại thuở xưa từ đâu sanh đến, nên nói: “Vốn không có thế gian, nay mới có thế gian, thuở xưa ta vốn không có, nay bỗng tự nhiên sanh”. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo ý niệm si mê, người si mê ấy nghĩ: “Vốn không có thế gian, nay bỗng nhiên có thế gian, ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Vì sao như vậy? Vì ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Đó là vì vốn không có thế gian”. Đó là kiến giải thứ hai.

Các ngoại đạo kia chủ trương: “Ta vốn không từ đâu sanh”, nghĩ là “không từ đâu sanh”. Kiến giải này gọi là “Bổn pháp thế gian, nay bỗng có thế gian”, đều ở trong hai kiến giải trên. Đó là hai loại kiến giải không có loại kiến giải thứ ba. Ta biết rõ và còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Ta không chấp trước, cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ do xúc sanh ra, và còn biết phương tiện từ đâu phát sanh kiến giải ấy, nên ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, Ta biết tất cả pháp ấy. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ hành động lúc quá khứ, đối với một số chủ trương đều thích nói là đã hiểu rõ việc quá khứ, thì đều ở trong mười tám loại kiến giải này.

Có ngoại đạo, một người nói: “Những điều tôi thấy là có giới

hạn”, một người cho rằng: “Những điều tôi thấy là không có giới hạn”, một người nêu: “Những điều tôi thấy là có giới hạn, mà cũng không có giới hạn”, một người cho là: “Những điều tôi thấy là không có giới hạn, cũng không phải không có giới hạn”, tất cả đều ở trong bốn kiến giải này. Nhận thức của chúng ngoại đạo ấy như thế nào?

Nếu có ngoại đạo thực hành như vậy: Tự giảng nói về “hữu hạn” cho người thế gian, cho rằng chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời nói hư vọng si cuồng. Vị ấy tự giảng nói không hạn lượng cho người thế gian, nói rằng: “Nếu có ai nói rằng ngã và thế gian là hữu hạn, vô hạn. Ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn, thì đó cũng chỉ là lời nói hư vọng. Lời phát biểu như vậy là lời nói điên cuồng. Vì sao? Vì ta thấy thế gian là ‘hữu hạn’”. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo chủ trương: “Điều ta làm và thấy là vô hạn”, nghĩa là “Ngã và thế gian là vô hạn”. Ngoại đạo ấy làm như vậy, thấy như vậy tức là “Ngã và thế gian là vô hạn”. Người ấy nói rằng: “Ngã và thế gian là vô hạn. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê. Nếu có người nói ngược lại rằng: Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Ai nói lời nói đó là nói cuồng si. Vì sao như vậy? Vì ngã và thế gian là vô hạn”. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, có ngoại đạo chủ trương: Thấy như vậy hành như vậy, tức cho rằng: “Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn”. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời vọng ngữ, si cuồng. Kẻ nào nói ngược lại: Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn, ai nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao như vậy? Vì ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn”. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, có ngoại đạo chủ trương: “Ta nhớ như vậy, làm theo kiến giải như vậy, nghĩa là ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời hư vọng si cuồng. Ai nói ngược lại rằng: Ngã và thế gian là hữu hạn, ngã và thế gian là vô hạn, ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn”, nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao? Vì ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”. Đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo, có người nói: “Ngã và thế gian hữu hạn”, có người bảo “vô hạn”, có người cho rằng “vừa hữu hạn vừa vô hạn”, lại có người nói: “Không hữu hạn, cũng không vô hạn”, đều ở trong bốn kiến giải này, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Ta biết tất cả những điều đó, lại còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết một cách tuyệt diệu hơn nữa. Do Ta không chấp trước, không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ là do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó, không chấp vào các thọ, nên Ta được hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Đức Phật.

Nếu có ngoại đạo ở tròn kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ đến chỗ đã sanh thuở trước, đối với vô số học thuyết đều ưa thích thuyết giải những việc ấy, thì các học thuyết ấy đều ở trong mười tám loại kiến giải. Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận mỗi người mỗi cách. Nếu có người hỏi sự việc liên đấu tranh với nhau, lời nói, ngôn giáo khác nhau: “Ta sẽ dạy đạo như vậy, người kia nên dạy như vậy, người khác phải dạy như vậy, người nên như vậy, không nên như vậy”, đều ở trong bốn kiến giải ấy.

Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận, chủ thuyết mỗi người khác nhau ra sao? Có các ngoại đạo thấy như vậy, hành như vậy, nói rằng: “Ta không biết cũng không thấy có đời sau hay không có đời sau, ta không biết cũng không thấy là tất cả không có đời sau. Ta vốn không thấy không biết, không nhớ việc này, lời của ta nói không phải như lời người khác đã nói”. Người ấy tự khẳng định: “Sự thấy của ta là chân thật, ngoài ra đều là si mê”.

Đức Phật dạy:

–Người chấp thủ tà kiến si mê ấy, khi thân chết đọa vào cõi ác Nê-lê. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn biết được nhiều việc, trí tuệ thông tỏ, nhận xét đúng đắn về ý nghĩa, lời nói không khác, danh tiếng đồn xa, trừ bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy để hỏi, vị ấy không thể trả lời được. Vị ngoại đạo ấy chết bị đọa vào nẻo ác. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Vị ngoại đạo ấy thấy như vậy, nói như vậy: “Tôi không biết có tai ương hay phước đức của

việc thiện ác? Cũng không biết là không có tai ương hay phước đức của việc thiện, ác. Tôi không biết cũng không thấy. Nếu nói như vậy: có tai ương hay phước đức của việc thiện, ác, thì tôi chấp nhận; nếu không có tai ương, phước đức của việc thiện, ác, thì tôi không chấp nhận; nếu tôi không chấp nhận nó sẽ cảm thọ trở lại”. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hiểu biết nhiều việc, giải thuyết một cách trí tuệ, nghĩa lý chắc thật, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy hỏi, thì vị ấy không thể trả lời, giải thích. Vị ngoại đạo ấy nghi ngờ sợ sệt có người đến hỏi. Nếu có người đến hỏi liền cùng nhau tranh luận rằng: “Dạy người này phải như thế này, dạy người khác phải như thế khác, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy”. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Chúng ngoại đạo ấy thấy như vậy, nói như vậy: “Nếu không có ngã thì sao gọi là thiện, sao gọi là ác, nên làm những gì và không nên làm những gì, đâu là nẻo thiện, đâu là nẻo ác, đâu là sự thật đời này, đâu là sự thật đời sau, thường làm những gì thì bị khổ, thường nên làm những gì thì được vui?” Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có nhiều hiểu biết, nghĩa lý xác thực, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến giải của kẻ khác, có ai đến hỏi: “Thiện ác ở chỗ nào? Những gì nên làm và những gì không nên làm? Đâu là con đường của thiện ác? Sự thật của đời này và đời sau ở chỗ nào? Thường phải làm những gì đưa đến khổ vui?”, đến hỏi như vậy nhưng vị ấy giải thích, sợ rơi vào nẻo ác. Nếu có người đến hỏi việc như vậy, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: “Dạy người này nên làm như vậy, dạy người khác nên làm như kia, dạy người này nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy”. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Ý nghĩ của chúng ngoại đạo ấy si mê, nếu có người đến hỏi việc, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: “Dạy người này nên như vậy, dạy người khác nên như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy, không như vậy, cũng nên như vậy, cũng không như vậy”. Đó là kiến giải thứ tư.

Đó là ý nghĩa mà các ngoại đạo cùng nhau tranh luận, với các lời lẽ khác nhau. Khi có người đến hỏi, họ tranh luận với nhau: “Dạy người này nên làm như vậy, dạy người khác nên làm như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy”, đều ở

trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Phật đều biết rõ, và còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Ta không chấp trước cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ do xúc sanh, biết theo phương tiện để thoát ra khỏi thọ hiện tại, tâm ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng chói sáng, Ta đều biết rõ. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, biết việc quá khứ, nhờ việc trong lúc quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy, đều ở trong mười tám kiến giải này, không thể vượt qua mười tám kiến giải ấy được. Thế Tôn đã biết như vậy, còn vượt lên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do đó Thế Tôn không chấp trước, cũng không hủy báng, hiện tại không còn chấp thọ nên được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết được rất thâm diệu, sáng tỏ vô cùng, Ta biết rõ tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp tương lai, nhớ nghĩ việc tương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa thích giảng nói những việc ấy, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Các ngoại đạo ấy đã biết những gì mà ở trong kiếp tương lai, biết việc tương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy. Nếu có ngoại đạo hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, tự thân nói về tưởng cho người thế gian, đều ở trong mười sáu kiến giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, nói về tưởng cho người thế gian, đều ở trong mười sáu kiến giải?

Ngoại đạo ấy đã thấy như vậy, làm như vậy: “Bản ngã có sắc thì đời sau có tưởng”¹. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ nhất.

Nếu có ngoại đạo nói: “Bản ngã không có sắc, không có đời sau. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê”. Đó là kiến giải thứ hai.

Nếu có ngoại đạo, hành theo tưởng nhận thức theo tưởng, tự thân

¹. Hán: hữu ngã sắc vi hữu hậu thế tưởng /^o s^o / -^o /^o ← 7@ □Q, C Tham chiếu: Trường A-hàm, số 21, kinh Phạm Động, tr.458, chú thích 72.

Thứ mười bốn, nếu có ngoại đạo nói: “Bản ngã là khổ. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê”. Đó là kiến giải thứ mười bốn.

Thứ mười lăm, nếu có ngoại đạo nói: “Bản ngã là vừa khổ vừa vui. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê”. Đó là kiến giải thứ mười lăm.

Thứ mười sáu, nếu có ngoại đạo nói: “Bản ngã không khổ cũng không vui. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê”. Đó là kiến giải thứ mười sáu.

Đức Phật dạy:

–Vị ngoại đạo ấy hành theo tướng, nhận thức theo tướng, tự thân vì thế gian nói về tướng, đều ở trong mười sáu kiến giải này, không thể vượt hơn được. Đức Thế Tôn đều biết những việc ấy. Thế Tôn còn hiểu biết hơn thế nữa, sự hiểu biết của Thế Tôn là tuyệt diệu, cho nên Thế Tôn không chấp trước cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Thế Tôn biết các cảm thọ do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó; Thế Tôn trong hiện tại không chấp các thọ nên tâm ý được giải thoát hoàn toàn.